TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 87/2024/HNGĐ -ST
Ngày: 24/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Hà

***Các hội thẩm nhân dân*:** Bà Tạ Thị Thà

Bà Trần Thị Kim Dung

- T ký phiên toà: Ông Đỗ Xuân Trường - T ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 168 /2024/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2024 về việc tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét sử số77/2024 QĐXX - HNGĐ ngày 11/09/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/QĐHPTST- HNGĐ ngày 30/09/2024 giữa :

- **Nguyên đơn: Ông N.X.T** – sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số 54 ngách 3/260, phố T.M,tổ 33 phường T.L, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Bà L.Q.H - sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 54 ngách 3/260, phố T.M, tổ 33 phường T.L, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2024 và bản tự khai ngày 19/3/2024 nguyên đơn ông N.X.T trình bày: Ông T và bà H chung sống như vợ, chồng từ năm 1990 tại địa chỉ 37A T.M, Hoàng Mai, Hà Nội, sau khi kết hôn, ông phải đi cải tạo lao động đến năm 1993 thì được trả tự do. Ông và bà H tiếp tục chung sống từ đó đến nay. Quá trình chung sống bà H nhiều lần vi phạm pháp luật hình sự và phải đi

thi hành án ở nhiều trại giam khác nhau. Cuối năm 2023 giữa hai ông bà, phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đó đến nay, nên ông làm đơn đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng.

Do ngày 26/3/2024, bà H đến Tòa án giao nộp giấy chứng nhận kết hôn số 180; quyển số 01/2006 UBND phường T.M, cấp ngày 25/12/2006 nên ông đề nghị được ly hôn với bà H vì tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không có hạnh phúc.

- Về con chung: Ông T trình bày : Chúng tôi có 03 con chung gồm: Cháu Nguyễn H.Q sinh ngày 22/8/1991; Cháu Nguyễn Q.T sinh ngày 29/06/1995, hiện tại hai cháu Q và T đã trưởng thành và có gia đình riêng, tự tạo lập cuộc sống.

Cháu Nguyễn H.T sinh ngày 22/3/2007, khi ly hôn thể theo nguyện vọng của cháu T, ông đồng ý nuôi cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nhà ở chung: Ông T trình bày có 01 căn nhà xây 04 tầng diện tích mỗi sàn 22,8m2 tại địa chỉ số 54 ngách 3/260, phố T.M,tổ 33 phường T.L, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Căn nhà trên chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, nằm trong diện giải tỏa của dự án. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nhà ở chung trong vụ án này.

- Về công nợ chung: Ông T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí, lệ phí: Ông T tự nguyện chịu cả.

Tại bản tự khai ngày 26/3/2024 bà L.Q.H trình bày: Bà và ông T chung sống như vợ, chồng từ năm 1990 tại địa chỉ 37A T.M, Hoàng Mai, Hà Nội đến năm 2006. Trong giai đoạn này ông, bà sinh được 02 con chung là Nguyễn H.Q sinh ngày 22/8/1991; Nguyễn Q.T sinh ngày 29/06/1995.

Ngày 25/12/2006 ông , bà tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND phường T.M, quận Hoàng Mai. Đến ngày 22/3/2007, Bà H sinh thêm cháu Nguyễn Bảo T.

Như vậy, việc ông N.X.T có đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ, chồng là không đúng.

Quá trình chung sống từ 1990 đến 2023, bà đã 3 lần phải đi thi hành án, tuy vậy bà vì cuộc sống gia đình nên bà vẫn nỗ lực xây dựng kinh tế và chăm lo cho gia đình.

Ngày 8/11/2023, bà chấp hành thi hành án xong, khi trở về nhà được 5 ngày thì bà phát hiện ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ tên là Nguyễn Thị Tố

Uyên bà đã yêu cầu ông T chấm dứt mối quan hệ bất chính này nhưng ông T không đồng ý. Sau đó ông T bỏ nhà đi chung sống như vợ chồng với như vợ, chồng với Uyên tại tổ 68 phường Tương Mai, quận Hoàng Mai.

Nay ông T có yêu cầu xin ly hôn bà không đồng ý vì bà mong muốn các con có đủ bố và mẹ.

- Về con chung: Có 03 con chung gồm cháu Nguyễn H.Q, sinh ngày 22/8/1991; Cháu Nguyễn Q.T, sinh ngày 29/06/1995, hiện tại hai cháu Q và T đã trưởng thành và có gia đình riêng, tự tạo lập cuộc sống.

Cháu Nguyễn H.T sinh ngày 22/3/2007 hiện đang sống với bà.

Do bà không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về con chung.

- Về tài sản và nhà ở chung: Do bà không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về tài sản chung và nhà ở chung.

-Về công nợ chung:: Do bà không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về công nợ chung.

Tại biên bản hòa giải ngày 06/05/2024, ông T và bà H có ý kiến như sau:

- Về tình cảm chung vợ, chồng: Chúng tôi chung sống như vợ chồng từ năm 1990 tại 37A4 T.M, quận Hai Bà Trưng, đến năm 1991 thì sinh cháu Nguyễn H.Q. Cùng năm đó, bà H bị bắt và đi cải tạo về tội cố ý gây Tơng tích. Đến năm, 1993 bà H trả xong án và về địa phương. Năm 1995, chúng tôi sinh cháu Nguyễn Q.T. Năm 1996 bà H bị bắt và đi cải tạo 14 tháng tại trại giam Ninh Khánh, Ninh Bình. Đến năm 1998, bà H đi trả án xong về địa phương, vợ chồng tiếp tục chung sống tại địa phương.

Năm 2006, chúng tôi đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 12 năm 2006, có đăng ký kế hôn tại ủy ban nhân dân phường T.M, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Ngày 22 tháng 3 năm 2007, bà H sinh cháu Nguyễn Bảo T.

Ngày 27/03/2010 bà H bị bắt về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và phải đi cải tạo 24 tháng, thụ án tại trại giam Ngọc Lý, Tỉnh Bắc Giang.

Đến năm 2012, bà H trả án xong về sống tại địa phương. Từ 2012 đến 2022, chúng tôi chung sống tại địa chỉ Số 54 ngách 3, tổ 33 phường T.L, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, đời sống hôn nhân bình Tờng.

Tháng 4 năm 2022, bà H bị bắt về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thụ án 19 tháng tại trại giam Xuân Nguyên, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng, đến ngày 8/11/2023 thì trả án xong về địa phương sinh sống.

Cùng vào tháng 11 năm 2023, ông T bỏ đi, sống ở nơi khác do không chịu được áp lực trong cuộc sống chung. Nay, ông T xác định tình cảm vợ, chồng không còn, xin

được ly hôn. Ông đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai cho ông được ly hôn bà H

Bà H trình bày: Về thời gian và quá trình chung sống và điều kiện kết hôn như ông T trình bày là đúng, bà không có trình bày bổ sung gì thêm. Còn nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng như ông T trình bày là không đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T cặp bồ với chị Nguyễn Tố Uyên sinh năm 1976 về nhà ruồng rẫy vợ con. Bà có đầy đủ bằng chứng và sẽ giao nộp cho Toà án tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ.

Nay, ông T xin ly hôn, bà không đồng ý. Lý do, chúng tôi đã lớn tuổi cần giữ ổn định gia đình cho các con, cháu.

- Về con chung:

Ông T, bà H thống nhất trình bày: Chúng tôi có 03 con chung, cháu lớn Nguyễn H.Q, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1991; Cháu thứ 2 là Nguyễn Q.T , sinh ngày 29/06/1995. Hiện tại hai cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng cháu Nguyễn H.T , sinh ngày 22/3/2007, hiện tại cháu T đang ở với bà H. Sau khi ly hôn hai bên thống nhất thuận theo ý kiến của cháu T. Ai nuôi cháu T cũng được, bên kia có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con:

Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T số tiền 1.500.000 đồng/tháng nếu cháu T ở với bà H.

Bà H đồng ý cấp cấp dưỡng nuôi cháu T số tiền 3.000.000 đồng /tháng nếu cháu T ở với ông T.

- Về tài sản và nhà ở chung: ông T xác định có 01 căn nhà 04 tầng diện tích sàn 22,8m2/1 sàn tại địa chỉ Số 54 ngách 3, tổ 33 phường T.L, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, hiện tại căn nhà trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nằm trong diện giải toả của dự án. Ông T không yêu cầu Toà án giải quyết về căn nhà trên cũng như tài sản nào khác.

Bà H xác định có 01 căn nhà 04 tầng diện tích sàn 22,8m2/sàn tại địa chỉ số 54 ngách 3, tổ 33 phường T.L, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, hiện tại căn nhà trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nằm trong diện giải toả của dự án. Bà H đề nghị để lại toàn bộ căn nhà trên cho cháu T.

- Về công nợ chung:

Ông T trình bày chúng tôi không có công nợ chung.

Bà H trình bày: Có công nợ chung đó là tiền mua đất, tiền xây nhà (Số tiền trên do tôi vay mà có), Bà H cam kết sẽ giao nộp các tài liệu về khoản công nợ trên cho Toà án tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ.

Tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ ngày 22/8/2004, do bà H vắng mặt nên không có ý kiến; ông T giữ nguyên ý kiến trình bày về tình cảm chung và tài sản chung như ý kiến đã trình bày tại phiên hòa giải ngày 06/05/2024. Ông T chỉ bổ sung vấn đề về con chung như sau: Ông T đồng ý nuôi cháu Nguyễn H.T, sinh ngày 22/3/2007 và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí, lệ phí: Ông T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, T ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn ông N.X.T có mặt và tham gia đầy đủ các buổi làm việc của Tòa án. Bị đơn bà L.Q.H đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, có bản tự khai,tham gia phiên hòa giải, nhưng sau đó không có mặt tại địa chỉ cư trú. Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà L.Q.H

+ Về nội dung vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình 2014 đề nghị HĐXX cho ông N.X.T được ly hôn bà L.Q.H

- Về con chung: Xác định ông N.X.T và bà L.Q.H có 03 con chung gồm: Anh Nguyễn H.Q, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1991; chị Nguyễn Q.T, sinh ngày 29/06/1995. Hiện tại, anh Q, chị T đã trưởng thành và có gia đình riêng tự tạo lập cuộc sống.

Cháu Nguyễn H.T, sinh ngày 22/3/2007, cháu T có bản tự khai ngày 6/5/2024, nội dung xin được ở với bố. Thể theo nguyện vọng của cháu T, cũng như thỏa thuận của ông T, bà H trong biên bản hòa giải ngày 06/05/2024.

Đề nghị HĐXX giao cháu Nguyễn H.T cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) trừ trường hợp có thay đổi gì khác.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị HĐXX ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có thay đổi khác.

Bà H có quyền qua lại, thăm hỏi, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản và nhà ở chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bà H có ý kiến nhưng không giao nộp tài liệu chứng cứ nên đề nghị H Đ XX không xem xét.

- Về công nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bà H có ý kiến nhưng không giao nộp tài liệu chứng cứ nên đề nghị H ĐXX không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội buộc ông N.X.T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

1.Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữa Nguyên đơn: ông N.X.T Hà Nội và Bị đơn bà L.Q.H; Ông, bà có hộ khẩu Tòng trú và cư trú tại địa chỉ: số 54 ngách 3/260, phố T.M,tổ 33 phường T.L, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa hôm nay ông N.X.T có mặt, bà L.Q.H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà L.Q.H,

2 Về quan hệ hôn nhân: Ông N.X.T và bà L.Q.H chung sống như vợ chồng từ năm 1990 và cư trú tại tại 37A4 T.M, quận Hai Bà Trưng. Trước khi chung sống ông, bà có tìm hiểu và tự nguyện đến sống với nhau. Đến ngày 25/12/2006, ông T, bà H tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND phường T.M, quận Hoàng Mai.Điều đó phù hợp với thông tin trong giấy chứng nhận kết hôn số 180 Quyển số 01/2006 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông T và Bà H chung sống tại địa chỉ số 54 ngách 3, tổ 33 phường T.L, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Dù bà H đã nhiều lần phải đi thi hành án tại các trại giam khác nhau nhưng không phát sinh mâu thuẫn gì lớn. Đến tháng

11/2023 thì phát sinh mâu thuẫn hai bên đã sống ly thân từ đó đến nay. Mỗi người tự lo cuộc sống riêng và không quan tâm đến nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà H để tham gia các buổi làm việc, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng ngoài bản tự khai ngày 26/3/2024 và biên bản hòa giải ngày 6/5/2024 thì bà H đều vắng mặt mà không có lý do. Điều đó thể hiện dù bà H có nguyện vọng hòa giải, hàn gắn đoàn tụ nhưng thực tế bà H không hề có thiện chí làm việc, quá trình mâu thuẫn cũng không hề gặp gỡ nguyên đơn nhằm tháo gỡ mâu thuẫn để vợ,chồng đoàn tụ. Trong khi đó ông T xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với bà H và kiên quyết xin ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân phố 33 phường T.L và được cung cấp thông tin như sau: Ông N.X.T không còn sinh hoạt tại địa chỉ số 54 ngách 3/260, phố T.M,tổ 33 phường T.L, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội từ khoảng giữa năm 2023. Bà L.Q.H không còn sinh sống tại địa chỉ Số 54 ngách 3/260, phố T.M,tổ 33 phường T.L, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội từ tháng 6 năm 2024, nguyên nhân bà H không còn cư trú tại địa phương, tổ dân phố không nắm rõ.

Trong quá trình chung sống tại địa phương, ông T, bà H không thấy có mâu thuẫn gì lớn. Sau khi bà H đi cải tạo về thì ông T bỏ đi khỏi nơi khác sinh sống.

Về con chung: Ông bà T, H có 03 gồm: cháu Q, cháu T, cháu T,

Hai cháu Q và T đã lớn, có gia đình riêng và sống ở nơi khác. Cháu T hiện đang ở với ai địa phương không biết.

Về tài sản chung: Ông , bà có 01 căn nhà 04 tầng, tại địa chỉ số 54 ngách 3, tổ 33 phường T.L, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, hiện tại căn nhà trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc khu dự án đang có kế hoạch thu hồi đất.Từ tháng 6/2024, do bà H không còn cư trú tại địa phương nên không thể giao văn bản tố tụng của Tòa án được. Tổ dân phố kết hợp cán bộ Tòa án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng.

Như vậy, đủ cơ sở để khẳng định tình trạng mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa ông T và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho ông T ly hôn Bà H theo quy định tại Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân gia đình 2014 là có căn cứ đúng pháp luật

Về con chung:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định ông N.X.T bà L.Q.H có 03 con chung gồm: Anh Nguyễn H.Q, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1991; chị Nguyễn Q.T, sinh ngày

29/06/1995. Hiện tại, anh Q, chị T đã trưởng thành và có gia đình riêng tự tạo lập cuộc sống. Cháu Nguyễn H.T, sinh ngày 22/3/2007, cháu T có bản tự khai ngày 6/5/2024, nội dung xin được ở với bố. Thể theo nguyện vọng của cháu T, cũng như thỏa thuận của ông T, bà H trong biên bản hòa giải ngày 06/05/2024 nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn H.T, sinh ngày 23/3/2007,cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) trừ trường hợp có thay đổi khác.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Ông N.X.T không yêu cầu bà L.Q.H cấp dưỡng nuôi con chung. Dù trước đây bà H có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) /tháng nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà H vắng mặt nên hội đồng xét xử không thể làm rõ nội dung này.

Vì vậy, hội đồng xét xử chấp thuận ý kiến của ông N.X.T tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của bà L.Q.H cho đến khi có sự thay đổi khác.

Bà H có quyền qua lại, thăm hỏi, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

*__Về tài sản chung và nhà ở chung :__ Ông N.X.T không yêu cầu, bà L.Q.H không đưa ra tài liệu chứng cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* __Về công nợ chung:__ Ông N.X.T không yêu cầu, bà L.Q.H không đưa ra tài liệu chứng cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*__Về án phí và quyền kháng cáo:__ Ông T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông T, bà H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39,điểm b khoản 2 điều 227, khoản b khoản 1 điều 228,khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ;

-Căn cứ Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 57,58,81,82,83 và điều 84 luật hôn nhân và gia đình.

-Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội.

Xử :

1.Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông N.X.T ly hôn bà L.Q.H

2.Về con chung: Giao cháu Nguyễn H.T, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2007 cho ông Nguyễn Xuân T trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ khi bản án hôn nhân gia đình có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Bà L.Q.H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở bà H thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của bà Lê T.H cho đến khi có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi gì khác.

4. Về tài sản chung, nhà ở chung: Không xem xét

5.Về công nợ chung: Không xem xét

6.Về án phí: Ông N.X.T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông T đã nộp theo biên lai số 0011261 ngày 13/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

7.Về quyền kháng cáo: Ông N.X.T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa T án.. Bà L.Q.H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thuý Hà

Nơi nhận :
- Đương sự
- Tòa án NDTP Hà Nội
-VKSND TP Hà Nội
- Viện kiểm sát ND Quận Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ.